

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 26/5/2026

V/v Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con
và chia tài sản chung khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tô Thị Thuý Ngân

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Ông Vi Khánh Dân

- Thư ký phiên toà: Ông Vi Hoàng Tùng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai trực tiếp vụ án thụ lý số: 03/2026/TLPT- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2026 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp quyền nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn*”.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 45/2025/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cao Bằng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 35/2026/QĐ-PT ngày 02/3/2026 và Thông báo hoãn phiên toà số 54/TB-TA ngày 16/3/2026; số 60/TB-TA ngày 13/4/2026; số 69a/TB-TA ngày 11/5/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị P, sinh năm 1979 (Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đàm Thế V, sinh năm 1972 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ H, phường T, tỉnh Cao Bằng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Hoàng Thị P1, sinh năm 1947; Địa chỉ: Tổ H, phường T, tỉnh Cao Bằng (Có mặt).

2. Ngân hàng N (A) - chi nhánh thành phố C; Đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị Minh H - Giám đốc chi nhánh; Địa chỉ: Số A, đường H, phường T, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt).

3. Ngân hàng Thương mại cổ phần C (V2) - Chi nhánh C; Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bình T - Giám đốc chi nhánh; Địa chỉ: Số F, đường H, phường T, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt).

4. Ngân hàng Thương mại cổ phần L1 (L2) - Chi nhánh C; Đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quốc K - Giám đốc chi nhánh; Địa chỉ: Số D, phố K, phường T, tỉnh Cao Bằng (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Đàm Thế V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/5/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Hoàng Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Đàm Thế V kết hôn năm 2005 trên cơ sở tự nguyện, hôn nhân được tìm hiểu, không tổ chức lễ cưới ở hai gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến ngày 20/02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chồng ngoại tình, bỏ nhà đi sống với người khác như vợ chồng. Hiện tôi và ông V đã sống ly thân từ tháng 4/2023 đến nay. Tôi xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông V, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Đàm Hoàng Doãn T1, sinh ngày 19/9/2006 (giới tính nam) và cháu Đàm Hoàng V1 (giới tính nam), sinh ngày 07/12/2013. Khi ly hôn con lớn đã thành niên nên không đề nghị xem xét, yêu cầu được nuôi con Đàm Hoàng V1, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nếu ông V không yêu cầu chia tài sản nhưng hàng tháng có trách nhiệm đưa con đi khám chữa bệnh, mọi chi phí do tôi lo. Trường hợp ông V yêu cầu chia tài sản chung thì đề nghị ông V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần để đối trừ vào phần tiền tài sản ông V được chia.

Về tài sản chung: Gồm có:

- 01 nhà ở 02 gian, 01 bếp 02 gian, 01 lò đun thuốc có địa chỉ tại: Tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay là Tổ H, phường T):

- 01 tủ gỗ công nghiệp màu nâu đỏ;

- 01 xe AIRBLADE nhãn hiệu HONDA màu sơn đen đồng vàng;

- 01 xe VISION nhãn hiệu HONDA màu sơn đỏ nâu;

- 01 xe WAVE nhãn hiệu HONDA màu xanh đen bạc;

- 01 xe DETECH biển kiểm soát 11AA - 028.52;

- 01 nồi nhôm đường kính 50 x 40;

- 01 téc nước (bồn chứa nước) inox nhãn hiệu Nhật M dung tích 700 lít

- Tiền gửi tiết kiệm tại các Ngân hàng tổng tiền mặt: 2.600.000.000 đồng

- Ngoài ra còn có các tài sản khác gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 589635 chứng nhận thừa đất số: 335, tờ bản đồ số 07, diện tích 1246, địa chỉ: Thôn C- xã P - huyện C người nhận chuyển nhượng Đàm Thế V, Hoàng Thị P; GCNQSDĐ số DA 881735 chủ sử dụng đất Đàm Thế Vinh thừa đất số 222, tờ bản đồ số 09, diện tích 995m², địa chỉ: Thị trấn P, huyện C, tỉnh Lâm Đồng. GCNQSDĐ số CY931890 thừa đất số 64, tờ bản đồ số 34, diện tích 114

m², địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng người nhận chuyển nhượng Đàm Thế V, Hoàng Thị P.

Tài sản chung chia 70%, 30% nhà và xe còn tiền gửi tiết kiệm 2.600.000.000 đồng là tiền thu nhập từ hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, tôi đề nghị chi trả cho bà P1 hộ viên kinh doanh thanh toán một lần số tiền 500.000.000 đồng, chi trả tiền nuôi con Đàm Hoàng V1 218.500.000 đồng (tính từ tháng 10/2023 đến ngày xét xử là 23 tháng), số còn lại nhất trí chia cho ông V 1/3 và khấu trừ nghĩa vụ cấp dưỡng một lần chữa bệnh cho con. Đối với bất động sản đất đai thống nhất để lại cho hai con và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tính đến ngày 15/5/2025 hai vợ chồng còn nợ Ngân hàng V2 là: 2.663.907 đồng; Trong đó: Nợ gốc: 2.649.437 đồng, nợ lãi cộng dồn: 14.470 đồng.

Tại đơn phản tố, bản khai và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn Đàm Thế V trình bày:

Về hôn nhân, con chung, tài sản chung như bà P trình bày là đúng tôi không bổ sung thêm và nhất trí thuận tình ly hôn và giao con cho bà P trực tiếp chăm sóc con chung. Về cấp dưỡng: Tôi chỉ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con thứ hai, còn con lớn đã thành niên nên không chịu trách nhiệm.

Về tài sản chung xe cộ cùng vật dụng khác nhất trí chia theo thỏa thuận tại các phiên hòa giải. Về bất động sản đất đai thống nhất để lại cho các con và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về ngôi nhà trị giá lên thành tiền chia đôi, còn về khoản tiền tiết kiệm 2.600.000.000 đồng cũng yêu cầu chia đôi.

Tại bản tự khai ngày 01/5/2025 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị P1 xác nhận:

Tôi là mẹ đẻ của Hoàng Thị P, con tôi từ miền nam ra có chút vốn chung của cả hai vợ chồng làm ngôi nhà nhỏ diện tích 36m² hết 35.000.000 đồng (lợp Prôximăng, không lát gạch). Sau này xây thêm ra như bây giờ, tất cả số tiền là do con tôi, từ đồng lương và có vay thêm ngân hàng để làm chứ không phải tiền của V. Trước đây V còn bị bệnh gan, phổi mất thời gian điều trị, tiền thuốc một mình con tôi lo, chữa khỏi bệnh xong V lại bị gãy chân. Khi khỏi bệnh V đi rượu chè, bỏ bịch nên không có tiền. Con nhỏ mỗi tháng đi Hà Nội một lần, bao nhiêu thuốc thang, sinh hoạt con tôi lo hết. Tóm lại, sau hai mươi năm chung sống con tôi mệt mỏi, vất vả trăm bề, vừa áp lực bức xúc, cố chịu đựng vì con ốm không nghĩ đến chuyện ly hôn. Nhưng giờ thì con tôi không còn sống cảnh này được nữa, không níu kéo làm gì, một nửa cuộc đời con tôi đã phải chịu. Tôi tha thiết kính mong Tòa án sớm giải quyết việc ly hôn của con gái tôi theo quy định của pháp luật và đề nghị giả lại đất cho tôi và thanh toán tiền công hộ viên kinh doanh, thanh toán một lần số tiền 500.000.000 đồng (vì nguồn gốc lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh là do vợ chồng tôi đã truyền lại phương thuốc gia truyền cho con gái tôi đi đăng ký thành lập Hộ kinh doanh mà có).

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 16/5/2025 đơn trình bày ý kiến, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP C, chi nhánh C xác nhận:

1. Thông tin về tài khoản tiền vay: Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số 70/2024/HĐCVTC/NHCT186-PGDSB đã ký giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh C và bà Hoàng Thị P theo giấy đề nghị vay vốn ngày 06/6/2024. Người đứng tên vay vốn: Bà Hoàng Thị P, người liên đới nghĩa vụ trả nợ ông Đàm Thế V. Hạn mức thấu chi: 30.000.000 đồng, mục đích vay vốn: Vay thấu chi phục vụ tiêu dùng, thời hạn cho vay: 12 tháng, ngày đáo hạn: ngày 09/6/2025. Tính đến ngày 15/5/2025 dư nợ của bà Hoàng Thị P V2 là: 2.663.907 đồng, trong đó: Nợ gốc: 2.649.437 đồng, nợ lãi cộng dồn: 14.470 đồng.

Tài sản bảo đảm: Khoản vay của bà Hoàng Thị P tại V2 không có tài sản bảo đảm.

2. Thông tin về số dư tài khoản tiền gửi:

Bà Hoàng Thị P có tài khoản tiền gửi thanh toán tại V2, số dư tài khoản tiền gửi thanh toán đến hết ngày 15/5/2025 là: 10.086.398 đồng. Ông Đàm Thế V không có thông tin tài khoản tiền gửi tại V2.

Ý kiến của V2:

Khoản vay thấu chi của bà Hoàng Thị P là khoản vay tín chấp được bảo đảm bằng tiền công, tiền lương do bệnh viện đa khoa tỉnh C chi trả qua tài khoản thanh toán của bà Hoàng Thị P mở tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh C.

Đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà Hoàng Thị P và ông Đàm Thế V trong vụ án ly hôn Ngân hàng có ý kiến về nguồn thu nhập trên tài khoản thanh toán của bà Hoàng Thị P phải đảm bảo hoàn trả đầy đủ toàn bộ nợ gốc và lãi phát sinh từ hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số 70/2024/HĐCVTC/NHCT186-PGDSB đã được xác lập giữa V2 và bà Hoàng Thị P.

Theo giấy đề nghị vay vốn ngày 06/6/2024, bà Hoàng Thị P đứng tên vay vốn, ông Đàm Thế V là người liên đới nghĩa vụ trả nợ. Trích dẫn mục 2. Cam kết của người liên đới nghĩa vụ trả nợ: “(d) Tôi Đàm Thế V cam kết vô điều kiện và không hủy ngang rằng tôi và bà Hoàng Thị P có trách nhiệm liên đới trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ khoản vay mà bà Hoàng Thị P đề nghị vay theo giấy đề nghị này. Cụ thể: Ngân hàng có thể yêu cầu tôi và/ hoặc bà Hoàng Thị P phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ phát sinh từ (các) Hợp đồng cho vay giữa bà Hoàng Thị P và Ngân hàng liên quan đến khoản vay được đề nghị này. (e) Cam kết này có hiệu lực kể từ ngày Giấy đề nghị này được ký và sẽ có hiệu lực liên tục cho đến khi toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bà Hoàng Thị P được thanh toán đầy đủ.”

Như vậy bà Hoàng Thị P và ông Đàm Thế V đều cùng có trách nhiệm hoàn trả đầy đủ nợ gốc và nợ lãi phát sinh từ hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi số 70/2024/HĐCVTC/NHCT186-PGDSB ngày 06/6/2024 cho đến khi khoản vay được tất toán.

Trong quá trình giải quyết vụ án yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa vợ chồng bà Hoàng Thị P và ông Đàm Thế V, V2 yêu cầu tòa án xem xét giải quyết theo các quy định của pháp luật bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/5/2025, công văn số 2053 ngày 30/9/2024 Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố C xác nhận:

Qua tra cứu thông tin theo yêu cầu của quý cơ quan, A chi nhánh thành phố C cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến khách hàng như sau: Khách hàng Hoàng Thị P (CCCD số 004179000326) có gửi tiền tiết kiệm tại A chi nhánh thành phố C. Tuy nhiên ngày 27/5/2024 bà P đã rút hết tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng. Hiện tại A chi nhánh thành phố C không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến nguyên đơn Hoàng Thị P và bị đơn Đàm Thế V tại vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại Công văn số 1079/2024/CCTT-CB ngày 09/9/2024 Ngân hàng TMCP L1 (L3) - Chi nhánh C xác nhận:

Qua tra cứu thông tin theo yêu cầu của quý cơ quan, L3 chi nhánh C cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến khách hàng như sau: Khách hàng Hoàng Thị P (CCCD số 004179000326) có gửi tiền tiết kiệm tại L3 chi nhánh C. Tuy nhiên ngày 07/5/2024 bà P đã rút hết tiền tiết kiệm gửi tại Ngân hàng. Hiện tại L3 chi nhánh C không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến nguyên đơn Hoàng Thị P và bị đơn Đàm Thế V tại vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 29/11/2024 và Biên bản định giá tài sản ngày 02/4/2025: Tổng giá trị 01 nhà ở 02 gian, 01 bếp 02 gian, 01 lò đun thuốc là: 453.283.240 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn bà Phùng Thị U bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn trình bày:

Nhất trí với phần trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Đề nghị Hội đồng xét xử, Áp dụng khoản 1 các Điều 28, 35, 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 102, Điều 212 của Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực pháp luật năm 2017); Áp dụng các Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và các Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị P và yêu cầu phản tố của anh Đàm Thế V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị P1.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị P với anh Đàm Thế V.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị P với anh V về việc giao con Đàm Hoàng V1 (giới tính: Nam), sinh ngày 07/12/2013 cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng suốt đời.

- Về cấp dưỡng:

Buộc anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo tháng cho cháu Đàm Hoàng V1 số tiền 3.860.000 đồng/01 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến suốt đời.

- Về tài sản chung:

- Công nhận sự thỏa thuận phân chia các động sản gồm:

+ Ông V được quản lý và sử dụng: 01 xe AIRBLADE nhãn hiệu HONDA màu sơn đen đồng vàng; 01 xe WAVE nhãn hiệu HONDA màu xanh đen bạc; 01 tủ gỗ; 01 téch nước.

+ Bà P được quản lý sử dụng: 01 xe VISION nhãn hiệu HONDA màu sơn đỏ nâu; 01 nồi nhôm đun thuốc.

+ 01 xe máy DETEX để lại cho con Đàm Hoàng Doãn T1.

+ Toàn bộ đất đai (bất động sản) để lại cho hai con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Phân chia tài sản nhà ở, tiền gửi tiết kiệm:

Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ quy định tại các điểm b, c, d khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì về nguyên tắc tài sản chung của vợ chồng được chia đôi nhưng có tính đến các yếu tố sau: a) Hoàn cảnh của gia đình và của vợ chồng; b) Công sức đóng góp của vợ, chồng vào việc tạo lập, duy trì và phát triển khối tài sản chung...; c) Bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong sản xuất, kinh doanh và nghề nghiệp...; d) Lỗi của mỗi bên trong vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Chị P là chủ thể thành lập hộ kinh doanh cá nhân: Hoàng Thị P, ngành nghề kinh doanh: 1. Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. 2. Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. (Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh (47723)). Chị P trực tiếp nuôi con và chạy chữa bệnh cho con, nguyên nhân dẫn đến ly hôn là do lỗi của bên bị đơn để chia cho chị P theo tỷ lệ 70%, anh V 30%.

- Về án phí và các chi phí tố tụng khác: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 45/2025/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng đã quyết định:

1. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng khoản 1 các Điều 28, 35, 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 102, Điều 212 của Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực pháp luật năm 2017)

Áp dụng các Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 60, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và các Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị P và yêu cầu phân tố của anh Đàm Thế V, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị P1.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị P với anh Đàm Thế V.

2.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị P với anh V về việc giao con Đàm Hoàng V1 (giới tính: Nam), sinh ngày 07/12/2013 cho bà P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng suốt đời.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

2.3. Về cấp dưỡng:

Buộc anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo tháng cho cháu Đàm Hoàng V1 số tiền 4.750.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến suốt đời.

2.4. Về tài sản chung:

2.4.1. Công nhận sự thỏa thuận phân chia các động sản gồm:

+ Ông V được quản lý và sử dụng: 01 xe AIRBLADE nhãn hiệu HONDA màu sơn đen đồng vàng; 01 xe WAVE nhãn hiệu HONDA màu xanh đen bạc; 01 tủ gỗ, 01 tách nước.

+ Bà P được quản lý sử dụng: 01 xe VISION nhãn hiệu HONDA màu sơn đỏ nâu; 01 nồi nhôm đun thuốc.

+ 01 xe máy DETEX để lại cho con Đàm Hoàng Doãn T1.

+ Toàn bộ đất đai (bất động sản) để lại cho hai con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4.2. Phân chia tài sản nhà ở, tiền gửi tiết kiệm:

+ Về nhà ở: Chị P được chia 70% trị giá tài sản x 453.283.240đ = 317.298.268đ.

+ Về tiền gửi tiết kiệm: Chị P được chia 70% x 1.881.824.975đ = 1.317.277.000đ (đã làm tròn số).

Tổng số tài sản chị P được chia: 1.634.575.000đ (đã làm tròn số).

+ Về nhà ở: Anh V được 30% trị giá tài sản x 453.283.240đ = 135.984.972đ.

+ Về Tiền gửi tiết kiệm còn lại: Anh V được chia $30\% \times 1.881.824.975đ = 564.547.000đ$ (đã làm tròn số).

Tổng số tài sản anh V được chia: 700.531.972đ (đã làm tròn số).

* Chị P được quyền sở hữu, quản lý 01 nhà ở 02 gian, 01 bếp 02 gian, 01 lò đun thuốc là tài sản chung của vợ chồng và có trách nhiệm thanh toán bằng tiền cho anh V tổng số tiền: 700.531.972đ (đã làm tròn số) (Tiền 30% giá trị ngôi nhà + 30% tiền tiết kiệm).

3. Chị P có trách nhiệm thanh toán tiền công hộ viên kinh doanh cho bà Hoàng Thị P1 số tiền 500.000.000đ.

4. Về án phí: Chị Hoàng Thị P phải chịu nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, 61.037.250đ tiền án phí có giá ngạch tương ứng phần tài sản được phân chia, tổng số tiền án phí chị P phải chịu nộp: 61.337.250đ, chị P được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000984 ngày 08/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng, chị P còn phải nộp số tiền 61.037.250đ để sung Ngân sách Nhà nước. Bị đơn ông V phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ, tiền án phí có giá ngạch tương ứng phần tài sản được phân chia 32.021.279đ, tổng số tiền án phí anh V phải chịu nộp: 32.321.279đ, anh V được trừ vào số tiền 42.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001045 ngày 14/8/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, anh V còn được hoàn lại số tiền 9.678.721đ. Bà P1 được miễn nộp 24.000.000đ tiền án phí có giá ngạch tương ứng phần tài sản được phân chia.

5. Về chi phí tố tụng khác: Chị P, anh V mỗi người phải chịu 3.523.500đ tiền chi phí tố tụng khác, cụ thể $(1.500.000 \text{ (tiền chi phí định giá)} + 2.400.000đ \text{ (chi phí thẩm định)} + 3.147.000đ \text{ (chi phí đo đạc)}) = 7.047.000đ / 2 = 3.523.500đ$. Anh V đã tự chi tiền chi phí đo đạc 3.147.000đ, tạm nộp tiền chi phí tố tụng khác là: 10.000.000đ, tổng là: 13.147.000đ. Nay anh V được hoàn lại số tiền đã tạm nộp: 6.100.000đ.

6. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, anh V có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 700.531.972đ (đã làm tròn số) + 3.523.500đ (tiền chi phí tố tụng khác), chị P có đơn yêu cầu thi hành án số tiền 4.750.000đ/01 tháng (tiền cấp dưỡng theo tháng), bà P1 có đơn yêu cầu thi hành số tiền 500.000.000đ mà người có nghĩa vụ thi hành án chị P, anh V theo bản án chưa thi hành án đối với các nghĩa vụ trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

7. Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn quyết định về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/9/2025 bị đơn Đàm Thế V có đơn kháng cáo không nhất trí một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh V, chị P, bà P1 không nộp thêm tài liệu, chứng cứ mới trong giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Bị đơn anh Đàm Thế V giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Anh giữ nguyên những lời trình bày tại cấp sơ thẩm. Đối với các yêu cầu kháng cáo, anh trình bày: Anh là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nếu số tiền tiết kiệm 2.600.000.000 đồng chia mỗi người 50% thì anh sẽ cấp dưỡng nuôi con. Về số tiền tiết kiệm 2.600.000.000 đồng là do bán thuốc mà có, anh đi lấy nguyên liệu, chõ củi, nấu thuốc; Chị P làm việc nhà nước nên không có thời gian; Anh yêu cầu được chia số tiền tiết kiệm theo tỉ lệ 50%. Tiền giá trị ngôi nhà, bếp và lò đun thuốc cũng chia theo tỉ lệ 50%. Anh không đồng ý chia cho bà P1 số tiền 500.000.000 đồng vì việc kinh doanh là của vợ chồng anh, bà P1 tuổi cao nên không trực tiếp đi lấy nguyên liệu, lấy củi, nấu thuốc.

Nguyên đơn Hoàng Thị P trình bày:

Chị không thay đổi ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm. Số tiền 2.600.000.000 đồng là tiền tiết kiệm từ hoạt động kinh doanh, chị là người quản lý về khách hàng, bán thuốc, nhờ uy tín của chị mới bán được nhiều thuốc, đây là phương thuốc gia truyền của gia đình chị. Anh V thường xuyên say rượu nên không giúp chị, bà P1 (mẹ đẻ chị) là người đã giúp chị trong việc nấu và phụ bán thuốc. Chị không nhất trí với yêu cầu kháng cáo của anh V, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Khoản tiền hơn 218 triệu là tiền cấp dưỡng một lần cho cháu V1 từ khi anh V bỏ đi đến ngày xét xử sơ thẩm, khoản tiền này là tiền tiết kiệm từ việc bán thuốc, chị rút số tiền này ở ngân hàng để chi phí cho cháu V1.

Bà Hoàng Thị P1 trình bày: Bài thuốc gia truyền từ chồng của bà là ông Nông Cao L (đã chết năm 2000) truyền lại cho bà và con gái bà là chị P, bà cũng biết một số cây thuốc trong bài thuốc. Bà chưa từng đăng ký bài thuốc gia truyền và chưa từng đăng ký hoạt động kinh doanh. Trong việc kinh doanh của con gái bà thì bà không góp vốn, chỉ đóng góp công sức phụ giúp con gái; Con rể là anh V thường xuyên say rượu, ốm yếu, bệnh tật phải đi điều trị nhiều lần nên bà và con gái là những người làm chính. Ngoài lời trình bày thì bà không có tài liệu, chứng cứ nào khác, theo bà anh V nói bà không phải thành viên của hộ kinh doanh, không được hưởng lợi thì anh V cũng phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Bà không đồng ý với kháng cáo của V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Đơn kháng cáo của anh V nộp trong thời hạn Luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó, được xem xét theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần kháng cáo của anh V. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 21/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng theo hướng:

Chia giá trị căn nhà, bếp, lò đun thuốc theo tỷ lệ 50%; Không thanh toán số tiền 500.000.000 đồng cho bà P1; Không chấp nhận việc buộc anh V phải thanh toán số tiền 218.175.025 đồng là cấp dưỡng nuôi con một lần từ khi anh V bỏ đi đến khi xét xử sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của anh V về: Mức cấp dưỡng nuôi con và yêu cầu chia tiền tiết kiệm 2.600.000.000 đồng theo tỉ lệ 50%.

Về án phí: Các đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, thu thập và giao nộp chứng cứ và hòa giải, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm.

Kháng cáo của bị đơn Đàm Thế V trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm là đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn Đàm Thế V:

[2.1] Về mức cấp dưỡng nuôi con Tòa án cấp sơ thẩm tuyên quá cao vì anh V là lao động tự do.

Cấp sơ thẩm tuyên anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Đàm Hoàng V1 số tiền 4.750.000 đồng/ 01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến suốt đời.

Cháu V1 bị bệnh thiếu máu, tan máu bẩm sinh di truyền phải điều trị suốt đời. Hiện nay cháu V1 được đăng ký điều trị tại Bệnh viện H1 - truyền máu Trung ương từ năm 2014, điều trị thường xuyên, mỗi tháng 01 đến 02 lần theo lịch hẹn. Anh V cũng thừa nhận những chi phí chi cho cháu V1 là cần thiết. Tuy nhiên, theo anh anh là lao động tự do nên mức cấp dưỡng như vậy là cao.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình, cha mẹ đều phải có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Dựa vào chi phí thực tế hiện nay cho cháu V1 và mức chi phí này anh V cũng thừa nhận nên cấp sơ thẩm yêu cầu anh V phải cấp dưỡng cho cháu V1 số tiền 4.750.000 đồng/ 01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến suốt đời là phù hợp với thực tế

và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, phần kháng cáo này của anh V không được chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu chia 50% giá trị đối với tiền gửi tiết kiệm 2.600.000.000 đồng:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, số tiền gửi tiết kiệm là 2.600.000.000 đồng, số tiền này được tích góp từ việc kinh doanh bán thuốc gia truyền.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần căn cứ vào công sức đóng góp của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Anh V cũng thừa nhận rằng, số tiền tiết kiệm được hình thành từ việc kinh doanh bán thuốc gia truyền của chị P. Tháng 10/2023 anh đã bỏ đi, không chung sống với chị P và các con. Trong cuộc hôn nhân này anh cũng có 01 phần lỗi vì không chung thủy, nảy sinh tình cảm với người đàn bà khác.

Khi sống chung, anh phụ giúp chị P trong việc làm thuốc, bán thuốc. Mọi chi phí cho gia đình, chi phí cho các con, chữa bệnh cho con đều do chị P đảm nhận. Chị P có thu nhập ổn định từ lương (khoảng 10 triệu đồng/ 01 tháng) và có thêm thu nhập từ việc bán thuốc gia truyền chữa bệnh dạ dày. Anh V không có thu nhập ổn định, nguồn thu nhập chính của anh V là phụ giúp chị P trong việc bán thuốc. Do đó, cấp sơ thẩm chia số tiền tiết kiệm là 2.600.000.000 đồng theo hướng chị P được hưởng 70%, anh V được hưởng 30% là có căn cứ nên kháng cáo của anh V không được chấp nhận.

[2.3] Về ngôi nhà 02 gian, 01 bếp, 01 lò đun thuốc có địa chỉ tại: Tổ C phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng (nay là Tổ H, phường T, tỉnh Cao Bằng).

Chị P, anh V và bà P1 đều thừa nhận nhà, bếp và lò đun thuốc là tài sản chung của chị P và anh V, xây dựng trên đất của bà P1. Chị P và anh V đều thống nhất giá trị của tổng tài sản này là 453.283.240 đồng.

Cấp sơ thẩm đã giao đất cho bà P1 quản lý, còn về giá trị của tổng tài sản căn cứ vào công sức đóng góp và quyền lợi của các con nên ưu tiên chị P được 70% tổng giá trị (chị P được chia 317.298.268 đồng), anh V được 30% tổng giá trị (anh V được chia 135.984.000 đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy, nhà bếp và lò đun thuốc là tài sản chung của vợ chồng, được các bên thừa nhận hình thành trong thời kỳ hôn nhân, không có công sức đóng góp của các con trong giá trị tài sản này. Việc cấp sơ thẩm tuyên căn cứ vào công sức đóng góp và quyền lợi của các con nên ưu tiên chị P được 70% là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật. Tài sản này được nguyên đơn và bị đơn cùng công nhận về công sức đóng góp, nên căn cứ vào Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình thì mỗi người đều được hưởng 50% giá trị. Do khối tài sản này được xây dựng trên đất của bà P1 nên cấp sơ thẩm giao cho chị P tiếp tục quản lý và sử dụng là có căn cứ. Tuy nhiên, chị P cần phải thanh toán cho anh V 50% giá trị của khối tài sản là 226.641.620 đồng. Kháng cáo của anh V là có căn cứ và được chấp nhận.

[2.4] Đối với kháng cáo không đồng ý thanh toán tiền cho bà Hoàng Thị P1, số tiền 500.000.000 đồng

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên toà phúc thẩm bà P1 cho rằng: Việc làm thuốc tại nhà chủ yếu do bà thực hiện; anh V thường xuyên say rượu, không làm thuốc, từ năm 2023 không sống chung. Về nguồn gốc công thức thuốc gia truyền là của vợ chồng bà P1 truyền lại cho con gái là Hoàng Thị P, chị P đăng ký hộ kinh doanh tại nhà bà P1, có sự tham gia, đóng góp công sức của bà P1 trong suốt quá trình kinh doanh từ năm 2017 thành lập nên bà P1 yêu cầu được thanh toán số tiền 500.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đăng ký lần đầu ngày 24/4/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố C đăng ký tên hộ kinh doanh là “Hộ kinh doanh Hoàng Thị P”, chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân; Vốn kinh doanh: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Tại Giấy chứng nhận số 860/CN-SYT ngày 16/3/2018 của Sở Y tế tỉnh C Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền cho bà Hoàng Thị P.

Tại Công văn số 277/TCKH ngày 03/12/2024 của UBND thành phố C cung cấp thông tin: Trong giấy đề nghị đăng ký kinh doanh ngày 23/4/2024 của bà Hoàng Thị P kê khai chủ thể thành lập hộ kinh doanh là cá nhân.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngoài lời trình bày thì chị P và bà P1 không đưa ra được bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà P1 có tham gia kinh doanh, góp vốn, được hưởng lợi nhuận từ việc kinh doanh. Các bên không có sự thoả thuận về việc sẽ sử dụng, định đoạt phần tài sản hình thành từ hoạt động kinh doanh. Việc bà P1 có phụ giúp lấy thuốc, đun thuốc, bán thuốc chỉ thể hiện việc hỗ trợ lao động, không đủ căn cứ để xác định quyền tài sản. Theo Giấy chứng nhận thì chị P là chủ thể duy nhất được pháp luật công nhận trong hộ kinh doanh gia đình, vốn kinh doanh 5.000.000 đồng. Vợ chồng bà P1 chưa từng đăng ký và chưa từng được cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền, việc vợ chồng bà P1 truyền lại công thức gia truyền cho chị P cũng không có căn cứ. Việc cấp sơ thẩm chấp nhận thanh toán cho bà P1 số tiền 500.000.000 đồng là chưa đủ căn cứ; Trường hợp bà P1 có căn cứ chứng minh cho yêu cầu và quyền lợi của mình thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Do đó, kháng cáo của anh V là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu xác minh số tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng C - chi nhánh C (V3) từ năm 2021 đến tháng 10/2024.

Tại công văn số 1031/CV-CNCB-TCTH ngày 06/9/2024 của Ngân hàng TMCP C (chi nhánh C) đã trả lời: “Bà Hoàng Thị P, CCCD số 004179000326; địa chỉ: Tổ C, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng không có thông tin về tiền gửi tiết kiệm trên hệ thống V2”

Do đó, cấp sơ thẩm đã thu thập đủ tài liệu chứng cứ đối với thông tin khoản tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng V2.

[3] Về vấn đề khác:

[3.1] Đối với số tiền cấp sơ thẩm nhận định anh V có trách nhiệm thanh toán cho chị P tiền cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu V1 (từ khi anh V bỏ đi vào tháng 10/2023 đến tháng 8/2025) là 218.175.025 đồng, anh V thanh toán một lần cho chị P.

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, anh V không kháng cáo nội dung này. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm nhận định do anh V bỏ đi, sống ly thân nên phải có trách nhiệm thanh toán 01 lần tiền chi phí thực tế cho cháu V1 là không đúng quy định của pháp luật.

Khoản tiền này do chị P chi trả từ nguồn thu nhập hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, mà nguồn tiền này đã được xác định là tài sản chung của vợ chồng. Sau khi nguyên đơn chi trả các chi phí này thì số tiền còn lại được các đương sự xác định là 2.600.000.000 đồng và được Tòa án xác định là tài sản chung để phân chia. Như vậy, có căn cứ xác định khoản tiền 218.175.025 đồng đã được sử dụng từ tài sản chung của vợ chồng để thực hiện nghĩa vụ chung đối với con. Khoản tiền đã được chi từ tài sản chung để thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng thì phải được coi là nghĩa vụ chung đã được thực hiện, không có căn cứ buộc một bên phải hoàn trả lại toàn bộ cho bên còn lại. Mặc dù trong khoảng thời gian từ tháng 10/2023 đến tháng 8/2025 anh V bỏ mặc gia đình, không trực tiếp tham gia chăm sóc con chung, tuy nhiên theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, việc một bên vi phạm nghĩa vụ vợ chồng không làm thay đổi bản chất pháp lý của tài sản chung đã được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, cũng như không làm phát sinh nghĩa vụ hoàn trả riêng đối với các khoản chi đã được sử dụng từ tài sản chung để thực hiện nghĩa vụ chung đối với con. Nên việc giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm đối với nội dung này chưa phù hợp với quy định tại Điều 33 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, không chấp nhận việc buộc anh V thanh toán số tiền 218.175.025 đồng cho chị P.

[3.2] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Tại biên bản hoà giải cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thuận tình ly hôn, tuy nhiên về vấn đề cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung không thống nhất về tỉ lệ giá trị được hưởng. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình thì cấp sơ thẩm quyết định chị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên không phải nộp án phí phúc thẩm; Bị đơn được trả lại tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Về án phí sơ thẩm: Về án phí ly hôn các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật. Do sửa một phần bản án sơ thẩm liên quan đến phần tài sản nên các đương sự phải nộp án phí tương ứng với phần giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 11 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn anh Đàm Thế V.

Sửa một phần bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 45/2025/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hoàng Thị P với anh Đàm Thế V.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị P với anh V về việc giao con Đàm Hoàng V1 (giới tính: Nam), sinh ngày 07/12/2013 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến suốt đời.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

Buộc anh V thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo tháng cho cháu Đàm Hoàng V1 số tiền 4.750.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng theo tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến suốt đời.

3. Về tài sản chung:

3.1. Công nhận sự thỏa thuận phân chia các động sản gồm:

* Anh V được quản lý và sử dụng:

- 01 xe AIRBLADE, biển kiểm soát 11B1-41389, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đen đồng vàng;

- 01 xe WAVE, biển kiểm soát 11B1-52680, nhãn hiệu HONDA, màu xanh đen bạc;

- 01 tủ gỗ và 01 téc nước.

* Chị P được quản lý sử dụng:

- 01 xe VISION, biển kiểm soát 11A-44301, nhãn hiệu HONDA, màu sơn đỏ nâu;

- 01 nồi nhôm đun thuốc.

* 01 xe máy DETEX, biển kiểm soát 11AA-02852 để lại cho con Đàm Hoàng Doãn T1.

* Toàn bộ đất đai (bất động sản) để lại cho hai con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.2. Phân chia tài sản nhà ở, tiền gửi tiết kiệm:

* Về 01 nhà ở 02 gian, 01 bếp 02 gian, 01 lò đun thuốc: Chị P và anh V thống nhất có tổng giá trị là 453.283.240 đồng.

Chị P và anh V mỗi người được chia 50% trị giá tài sản, tương ứng với số tiền là 226.641.620 đồng.

Chị P quản lý, sử dụng những tài sản này và có trách nhiệm thanh toán cho anh V số tiền 226.641.620 đồng.

* Về tiền gửi tiết kiệm: Chị P và anh V thống nhất tiền gửi tiết kiệm là 2.600.000.000 đồng.

Chị P được hưởng 70% số tiền, anh V được hưởng 30% số tiền.

Chị P được hưởng là 2.600.000.000 đồng x 70% = 1.820.000.000 đồng

Anh V được hưởng là 2.600.000.000 đồng x 30% = 780.000.000 đồng

Chị P có trách nhiệm thanh toán cho anh V số tiền anh V được hưởng từ tiền tiết kiệm là 780.000.000 đồng.

Tổng số tiền anh V được hưởng là: 226.641.620 đồng + 780.000.000 đồng = 1.006.641.620 đồng.

Tổng số tiền chị P được hưởng là: 226.641.620 đồng + 1.820.000.000 đồng = 2.046.641.620 đồng;

Chị P có trách nhiệm thanh toán cho anh V số tiền 1.006.641.620 đồng.

4. Về án phí:

* Về án phí phúc thẩm: Anh V không phải nộp án phí phúc thẩm, anh V được trả lại 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000102 ngày 23/9/2025 của Phòng Thi hành án Khu vực 1 - Cao Bằng

* Về án phí sơ thẩm:

- Chị P và anh V mỗi người phải nộp 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Chị P phải nộp án phí về phần tài sản được hưởng có giá ngạch là 72.932.832 đồng.

- Anh V phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và án phí về phần tài sản được hưởng có giá ngạch là 42.199.249 đồng.

Tổng số tiền án phí chị P phải nộp là: 75.000 đồng + 72.932.832 đồng = 73.007.832 đồng. Chị P đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000984 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (nay là Phòng thi hành án Khu vực 1 - Cao Bằng). Chị P còn phải nộp 72.707.832 đồng án phí để nộp ngân sách nhà nước.

Tổng số tiền án phí anh V phải nộp là: 75.000 đồng + 300.000 đồng + 42.199.249 đồng = 42.574.249 đồng. Anh V đã nộp số tiền 42.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số: 0001045 ngày 14/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (nay là phòng Thi hành án Khu vực 1 - Cao Bằng), anh V còn phải nộp 574.249 đồng án phí để nộp ngân sách nhà nước.

5. Về chi phí tố tụng khác: Chị P, anh V mỗi người phải chịu 3.523.500 đồng tiền chi phí tố tụng khác, cụ thể (1.500.000 đồng (tiền chi phí định giá) + 2.400.000 đồng (chi phí thẩm định) + 3.147.000 đồng (chi phí đo đạc) = 7.047.000 đồng : 2 = 3.523.500 đồng). Anh V đã tự chi tiền chi phí đo đạc 3.147.000 đồng, tạm nộp tiền chi phí tố tụng khác là: 10.000.000 đồng, tổng là: 13.147.000 đồng. Anh V được hoàn lại số tiền đã tạm nộp: 6.100.000 đồng. Chị P phải nộp 3.523.500 đồng để trả cho anh V.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Cao Bằng;
- TAND khu vực 1 – Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Tô Thị Thuỳ Ngân